

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.3	Chủ đầu tư: Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Trụ sở: Số 360 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh; - Mã số thuế: 0319406879 - Điện thoại: (028) 3728 2006. - Fax: (028) 3728 2005. - E-mail: ttqlgthtkt.sxd@tphcm.gov.vn
E-ĐKC 1.5	Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Phường An Hội Đông, An Hội Tây, An Nhơn, An Phú Đông, Bình Lợi Trung, Đông Hưng Thuận, Đức Nhuận, Gò Vấp, Hạnh Thông, Phú Thọ Hòa, Tân Sơn, Tân Sơn Hòa, Tân Sơn Nhì, Tân Thới Hiệp, Tây Thạnh, Thông Tây Hội, Thới An, Trung Mỹ Tây; Xã Bà Điểm, Bình Mỹ, Củ Chi, Đông Thạnh, Hóc Môn, Nhuận Đức, Phú Hòa Đông, Tân An Hội, Thái Mỹ, Xuân Thới Sơn – Thành phố Hồ Chí Minh.
E-ĐKC 1.11	Nhà thầu:_____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: a) Văn bản Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) E-ĐKCT của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có); c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng; d) E-ĐKC của hợp đồng; đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; e) Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng; g) E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu (nếu có); h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.
E-ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Địa chỉ: Số 360 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh; - Điện thoại: (028) 3728 2006. - E-mail: ttqlgthtkt.sxd@tphcm.gov.vn
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 2% giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng

	có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày Nhà thầu thi công, hoàn thành gói thầu tương ứng với hợp đồng đã ký kết được Chủ đầu tư nghiệm thu đưa vào sử dụng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn và Bên nhận thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 7 ngày trước ngày hết hạn, Bên nhận thầu sẽ phải gia hạn giá trị của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong, nghiệm thu đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Quy định cụ thể trong quá trình hoàn thiện hợp đồng. Nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực hoặc vi phạm hợp đồng đến mức phải chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư theo quy định tại mẫu hợp đồng.
E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT]</i> .
E-ĐKC 6.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 20% giá hợp đồng.
E-ĐKC 6.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: - Nhà thầu phụ phải có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu thực hiện các công việc được giao theo quy định pháp luật; - Chỉ được ký kết hợp đồng thầu phụ đúng với năng lực hành nghề, năng lực hoạt động của nhà thầu phụ; - Phải có người trực tiếp phụ trách kỹ thuật thi công của nhà thầu phụ.
E-ĐKC 10.1	Loại hợp đồng: Đơn giá điều chỉnh.
E-ĐKC 10.2	Giá hợp đồng: Được trượt giá. - Giá hợp đồng được tính trượt giá và thực hiện như sau: + Trượt giá hợp đồng được tính từ thời điểm phát sinh yếu tố làm thay đổi giá và chỉ áp dụng đối với khối lượng được thực hiện theo đúng tiến độ ghi trong hợp đồng hoặc tiến độ được điều chỉnh theo quy định tại Mục 20 E-ĐKC. Không tính trượt giá cho các khối lượng công việc trong hợp đồng tương ứng với số tiền đã tạm ứng hợp đồng; + Trượt giá hợp đồng trong thời gian thực hiện hợp đồng nhằm phản ánh những thay đổi về chi phí nhân công, thiết bị, vật tư. Việc tính trượt giá hợp đồng sẽ được thực hiện theo công thức cụ thể: Việc điều chỉnh giá hợp đồng chỉ thực hiện khi dự toán điều chỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt. 1. Điều chỉnh khối lượng: Điều chỉnh giá hợp đồng do thay đổi khối lượng cụ thể như sau: Bổ sung khối lượng công việc hợp lý (là những khối lượng nằm ngoài khối lượng, hạng mục công việc đã được xác định trong hồ sơ mời thầu kèm theo hợp đồng) hoặc điều chỉnh giảm khối lượng so với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký và các trường hợp bất khả kháng. - Trường hợp điều chỉnh giảm khối lượng so với phạm vi công việc phải

	thực hiện theo hợp đồng đã ký: Áp dụng đơn giá trong hợp đồng để phê duyệt dự toán làm cơ sở điều chỉnh giảm giá hợp đồng. - Trường hợp bổ sung khối lượng công việc hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng được xác định như sau: + Đối với phần khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng (các hạng mục có đơn giá trong hợp đồng): Thì áp dụng quy định tại hợp đồng này để lập đơn giá trình Sở Xây dựng phê duyệt dự toán điều chỉnh làm cơ sở ký phụ lục hợp đồng. + Đối với phần khối lượng phát sinh mới ngoài hợp đồng (các hạng mục không có đơn giá trong hợp đồng): Thì hai bên thống nhất đơn giá mới để trình Sở Xây dựng phê duyệt dự toán điều chỉnh. Đơn giá mới là đơn giá được xác định theo quy định hiện hành và có tính đến các tỷ lệ tiết kiệm chi ngân sách, tỷ lệ trúng thầu của gói thầu theo hướng dẫn của cấp thẩm quyền (Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Xây dựng và các đơn vị quản lý liên quan khác). Trong mọi trường hợp phải đảm bảo đơn giá mới phải là giá trị thấp nhất của (đơn giá hiện hành x tỷ lệ tiết kiệm chi ngân sách (nếu có)) và (đơn giá hiện hành x tỷ lệ trúng thầu gói thầu). - Trường hợp thỏa thuận không được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới, việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu này theo quy định hiện hành. 2. Điều chỉnh đơn giá: a. Điều chỉnh đơn giá khi có chênh lệch về chi phí nhân công và máy thi công: Khi Nhà nước thay đổi chính sách về tiền lương ảnh hưởng trực tiếp đến giá hợp đồng thì hai bên sẽ thỏa thuận lại đơn giá thanh toán hợp đồng kể từ thời điểm chính sách này có hiệu lực và trên cơ sở dự toán điều chỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hồ sơ dự thầu của Bên B. b. Điều chỉnh đơn giá khi có chênh lệch về giá vật liệu: Điều chỉnh do thay đổi giá vật liệu tại thời điểm thực hiện: Bao gồm cả điều chỉnh tăng và điều chỉnh giảm (xác định bằng phương pháp tính toán bù trừ trực tiếp chênh lệch giá vật liệu xây dựng), cụ thể như sau: b.1- Điều chỉnh giảm: + Điều chỉnh giảm đối với tất cả loại vật liệu xây dựng mà tại thời điểm thực hiện trong năm (gọi là giá vật liệu tại thời điểm thực hiện) thấp hơn giá vật liệu xây dựng trong dự toán gói thầu đã được Sở Xây dựng phê duyệt dùng để tổ chức lựa chọn nhà thầu. Giá vật liệu tại thời điểm thực hiện được dùng để xác định Đơn giá tại thời điểm hiện hành. + Giá vật liệu tại thời điểm thực hiện: được xác định như sau Là giá thấp nhất trong từng Quý theo Công bố giá của Sở Xây dựng TP.Hồ Chí Minh (bao gồm cả chi phí vận chuyển đến chân công trình). Đối với các loại vật liệu xây dựng không có trong công bố giá của Sở Xây dựng TP.Hồ Chí Minh hoặc có trong công bố giá của Sở Xây dựng TP.Hồ Chí Minh nhưng không phù hợp với các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật theo quy định thì giá vật liệu được xác định trên cơ sở các báo giá hợp pháp khác của các nhà cung cấp vật liệu xây dựng (phải có ít nhất 03 báo giá và lấy giá thấp nhất trong 03 báo giá đó). Đối với giá vật liệu xây dựng Quý IV của năm thực hiện điều chỉnh: Tạm
--	---

	thời được xác định theo giá vật liệu xây dựng tháng 10, tháng 11 của năm đó. Khi quyết toán nếu giá vật liệu quý IV của năm thực hiện điều chỉnh lại giảm so với tháng 10, tháng 11 của năm đó thì nhà thầu phải nộp lại Ngân sách Nhà nước phần chênh lệch giảm đối với khối lượng thực hiện trong quý IV. Trường hợp giá vật liệu quý IV của năm thực hiện điều chỉnh tăng so với tháng 10, tháng 11 của năm đó thì thống nhất vẫn giữ nguyên giá vật liệu đã thanh toán cho bên B. b.2- Điều chỉnh tăng: + Chỉ điều chỉnh tăng đối với các loại vật liệu gồm: Nhũ tương, bê tông nhựa, bê tông thương phẩm, xi măng, cát, đá, thép các loại, màng phản quang, bột sơn và sơn các loại. + Điều chỉnh tăng khi giá vật liệu tại thời điểm thực hiện chênh lệch tăng so với giá vật liệu tại thời điểm gốc. + Giá vật liệu tại thời điểm thực hiện: Được xác định tương tự như trường hợp điều chỉnh giảm. + Giá vật liệu tại thời điểm gốc: Là giá cao nhất giữa giá vật liệu theo công bố giá của Sở Xây dựng TP.HCM (thời điểm 28 ngày trước ngày đóng thầu), giá trong dự toán gói thầu đã được Sở xây dựng phê duyệt dùng để tổ chức lựa chọn nhà thầu, giá vật liệu trong hồ sơ dự thầu. b.3- Trường hợp giá vật liệu không điều chỉnh giảm và không điều chỉnh tăng: Khi đó giá vật liệu tại thời điểm thực hiện được xác định là giá trong dự toán gói thầu đã được Sở xây dựng phê duyệt dùng để tổ chức lựa chọn nhà thầu. c. Đơn giá điều chỉnh: được xác định như sau: Đơn giá điều chỉnh = (Đơn giá tính tại thời điểm hiện hành) x Tỷ lệ giảm giá khi dự thầu Trong đó: + Đơn giá tính tại thời điểm hiện hành: là đơn giá đã thực hiện điều chỉnh do có chênh lệch về chi phí nhân công, máy thi công, vật liệu đã quy định tại hợp đồng này. + Tỷ lệ giảm giá khi dự thầu là Tỷ lệ thấp nhất giữa (tỷ lệ trúng thầu của gói thầu thông qua kết quả đấu thầu) và (tỷ lệ trúng thầu của từng hạng mục công việc thông qua kết quả đấu thầu). + Tỷ lệ trúng thầu của gói thầu thông qua kết quả đấu thầu = (Giá trị gói thầu theo hợp đồng ký kết)/(Giá gói thầu đã được Sở xây dựng phê duyệt). + Tỷ lệ trúng thầu của từng hạng mục công việc thông qua kết quả đấu thầu = (Đơn giá của từng hạng mục công việc theo hợp đồng ký kết)/(Đơn giá của từng hạng mục công việc đã được Sở xây dựng phê duyệt trong dự toán gói thầu) d. Thời điểm, số lần xem xét điều chỉnh đơn giá: Mỗi năm (2026, 2027, 2028) điều chỉnh đơn giá tối thiểu 01 lần/năm. Thời điểm điều chỉnh tùy vào tình hình thực tế sẽ thực hiện cho phù hợp. 3.3. Đối với các trường hợp bất khả kháng, bất khả kháng khác: Đơn giá cho các công việc phải khắc phục hậu quả bất khả kháng được xác định căn cứ vào điều kiện thực tế, thông tư hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng. Áp dụng đơn giá trong hợp đồng đã ký kết cho khối lượng công việc trong phạm vi hợp đồng;
--	--

	đơn giá mới xác định cho khối lượng công việc bổ sung, phát sinh bổ sung ngoài phạm vi hợp đồng.
E-ĐKC 11	Điều chỉnh thuế: Được phép. - Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 12.1	Tạm ứng: Nhà thầu xuất trình bảo lãnh tiền tạm ứng theo Mẫu số 16 Chương VIII. Sau khi hợp đồng có hiệu lực được quy định, căn cứ vào dự toán kinh phí duy tu được giao năm 2026, năm 2027, năm 2028, năm 2029, Chủ đầu tư sẽ lập thủ tục gửi cơ quan cấp phát vốn tạm ứng 10% giá hợp đồng phần thực hiện của từng năm (năm 2026, năm 2027, năm 2028, năm 2029). Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi theo từng đợt thanh toán. Khi giá trị thanh toán (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt đến 80% thì mức thu hồi tạm ứng là 100% theo công thức: $\text{Giá trị thu hồi từng đợt thanh toán} = \frac{\text{Giá trị đã tạm ứng}}{80\%} \times \text{Giá trị nghiệm thu thanh toán từng đợt}$ Theo Mẫu hợp đồng đính kèm.
E-ĐKC 13.1	Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.
E-ĐKC 13.2	Giảm trừ thanh toán: Có áp dụng. Chi tiết trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.
E-ĐKC 15	1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng. Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 1%/tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 12% .Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC. Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 10% chi phí cần thiết để khắc phục sai sót. 2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế. Chi tiết theo mẫu hợp đồng đính kèm và cụ thể trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.
E-ĐKC 17.1(c)	Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng: Chi tiết theo mẫu hợp đồng đính kèm và cụ thể trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.

E-ĐKC 17.4	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 18 (e)	Các trường hợp khác: Chi tiết theo mẫu hợp đồng đính kèm và cụ thể trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.
E-ĐKC 20.1	Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Theo quy định hiện hành, quy định cụ thể trong Tiêu chí nghiệm thu dịch vụ đính kèm HSMT, Mẫu hợp đồng và cụ thể khi hoàn thiện hợp đồng. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: Theo quy định hiện hành, quy định cụ thể trong Tiêu chí nghiệm thu dịch vụ đính kèm HSMT, Mẫu hợp đồng và cụ thể khi hoàn thiện hợp đồng.
E-ĐKC 21.2	Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư.
E-ĐKC 22.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: 10 ngày. - Giải quyết tranh chấp: Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng, các bên có trách nhiệm thương lượng giải quyết. Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc tranh chấp được thực hiện thông qua hòa giải, hoặc kiện vụ việc ra tòa án kinh tế có thẩm quyền để giải quyết. Chi tiết cụ thể trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG**HỢP ĐỒNG**

Dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh khu vực.....

Gói thầu: Công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh khu vực

Địa điểm:

I. Các căn cứ ký kết hợp đồng:

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15; Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 26 tháng 11 năm 2024 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-BXD ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Bộ Xây dựng về Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ cây xanh đô thị;

Căn cứ Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 06 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Công bố định mức dự toán công tác bảo dưỡng, duy trì một số lĩnh vực dịch vụ công ích trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Ban hành quy định về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về công bố bộ đơn giá dự toán chuyên ngành công viên cây xanh công trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công của lao động trực tiếp sản xuất trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công;

Căn cứ Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 964/QĐUBND ngày 01/4/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công của lao động trực tiếp sản xuất trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn Thành phố từ ngày 01 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Công văn số 353/UBND-ĐT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về áp dụng các định mức, đơn giá, định mức tỷ lệ thu nhập chịu thuế tính trước và hệ số điều chỉnh tiền lương tăng thêm trong chi phí dịch vụ sự nghiệp công thoát nước đô thị, chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2026 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc hợp nhất Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ, Trung tâm Phát triển Hạ tầng kỹ thuật thành phố Thủ Đức, Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thành Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Hướng dẫn số 16692/HD-SXD-HTKT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Sở Xây dựng về thực hiện một số nội dung về công tác quản lý, vận hành, chăm sóc và bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng đô thị , thoát nước đô thị và công viên cây xanh;

Căn cứ Quyết định số 1114/QĐ-SXD-HTKT ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Sở xây dựng về Về giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật (thoát nước đô thị, chiếu

sáng đô thị và công viên, cây xanh) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (không bao gồm khối lượng hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế);

Căn cứ Công văn số 2827/SXD-TC ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Sở Xây dựng về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm giai đoạn 2026-2028;

Căn cứ Công văn số 12278/SXD-TC ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Sở Xây dựng về thông báo số kiểm tra chi ngân sách năm 2026 và dự kiến số chi ngân sách năm 2026-2028;

Căn cứ Quyết định số 776/QĐ-SXD-TC ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Sở Xây dựng về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (Điều chỉnh lần 2);

Căn cứ Kế hoạch số 12745/KH-SXD-HTKT ngày 16 tháng 04 năm 2026 của Sở Xây dựng về kế hoạch triển khai công tác đấu thầu các gói thầu quản lý, bảo trì, vận hành hệ thống chiếu sáng đô thị, công viên, cây xanh đô thị, thoát nước và xử lý nước thải sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Sở Xây dựng năm 2026.

Căn cứ Quyết định số/..... ngày tháng 5 năm 2026 của về phê duyệt dự toán Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí nhà nước công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh đô thị.....;

Căn cứ Quyết định số/..... ngày ... tháng 5 năm 2026 của về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Căn cứ Quyết định số/..... ngày tháng năm 2026 của Trung tâm về việc phê duyệt E - Hồ sơ mời thầu;

Căn cứ Thông báo mời thầu trên mạng đấu thầu quốc gia sốngày ... tháng 5 năm 2026;

Căn cứ E - Hồ sơ mời thầu;

Căn cứ E - Hồ sơ dự thầu của

Căn cứ Báo cáo đánh giá E-HSDT kèm theo Tờ trình số ngày tháng 6 năm 2026 của Công ty về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu số ngày ... tháng 6 của

Căn cứ Quyết định số .../.... ngày ... tháng 6 năm 2026 của Trung tâm về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Biên bản hoàn thiện hợp đồng số/2026/..... ngày ... tháng 6 năm 2026 ký giữa Trung tâm và

Căn cứ các quy định pháp lý liên quan khác.

II. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Một bên là: **Bên A**

Tên giao dịch: **TRUNG TÂM**

Đại diện là: Ông

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ:

Tài khoản:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Điện thoại:

Và bên kia là: **Bên B**

Tên giao dịch:

Đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Mã chương: ...

Mã nội dung kinh tế: ...

Cơ quan quản lý thu: ...

Kho bạc Nhà nước hạch toán khoản thu: ...

Điện thoại:

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số).

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng thực hiện Gói thầuthuộc Dự toán theo các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung công việc

Bên A giao và Bên B nhận thực hiện Gói thầu được phê duyệt tại Quyết định số ngày ... tháng 6 năm 2026 của Trung tâm và E-HSMT, bảng giá dự thầu, biên bản hoàn thiện hợp đồng và các biên bản liên quan khác; đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng.

Điều 2. Phương thức kiểm tra giám sát, yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng sản phẩm**2.1. Phương thức kiểm tra, giám sát của Bên A:**

Nội dung phương thức kiểm tra, giám sát của Bên A được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hướng dẫn số 16692/HD-SXD-HTKT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Sở Xây dựng, Biên bản thỏa thuận khác giữa hai bên (nếu có) và các quy định có liên quan khác.

2.2. Yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng:

Bên B phải đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành quy định về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Hướng dẫn số 16692/HD-SXD-HTKT ngày 23/12/2019 của Sở Xây dựng và các quy định có liên quan khác.

- Công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh phải thực hiện đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm kỹ thuật, an toàn trong thi công và đảm bảo chất lượng.

- Bên B đảm bảo vật tư, thiết bị do Bên B cung cấp có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đúng quy định do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành

Điều 3. Thời gian thực hiện:

- Thời gian thực hiện gói thầu: ngày (từ đến).

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày đến (bao gồm thời gian thực hiện gói thầu và thời gian lập hồ sơ quyết toán).

Điều 4. Loại hợp đồng và giá hợp đồng:

4.1. Loại hợp đồng: Theo Đơn giá điều chỉnh

4.2. Giá hợp đồng:

STT	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng			
		Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế)	Giá trị thuế	Dự phòng	Cộng
1	Năm 2026 (từ 01/7/2026 đến hết ngày 31/12/2026)				
2	Năm 2027 (từ 01/01/2027 đến 31/12/2027)				
3	Năm 2028 (từ 01/01/2028 đến 31/12/2028)				
4	Năm 2029 (từ 01/01/2029 đến 30/6/2029)				

TỔNG CỘNG

(Kèm theo Bảng giá ký hợp đồng)

Giá trị hợp đồng chính thức là giá trị quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm toán, kiểm tra thay đổi về giá trị khối lượng đã được quyết toán thì giá trị sau thanh tra, kiểm toán, kiểm tra là giá hợp đồng chính thức cuối cùng.

Giá hợp đồng chỉ được điều chỉnh theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng.

Điều 5. Điều chỉnh giá hợp đồng:

- Việc điều chỉnh giá hợp đồng chỉ áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng và chỉ thực hiện khi dự toán điều chỉnh được phê duyệt và hai bên ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

- Giá hợp đồng sau khi điều chỉnh không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp giá hợp đồng sau khi điều chỉnh vượt giá gói thầu được phê duyệt thì chỉ được điều chỉnh sau khi có sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

- Giá hợp đồng có thể được điều chỉnh một trong các trường hợp sau:

+ Trên cơ sở dự toán ngân sách được giao hàng năm và dự toán điều chỉnh được phê duyệt, đảm bảo không cao hơn kinh phí trong dự toán ngân sách được giao.

+ Chính sách của Nhà nước về thuế GTGT tại từng thời điểm trong thời gian thực hiện hợp đồng;

+ Thực hiện theo yêu cầu tiết kiệm đối với nguồn kinh phí chi thường xuyên của cấp có thẩm quyền (nếu có);

+ Trường hợp có khối lượng, số lượng tăng hoặc giảm trong quá trình thực hiện hợp đồng nhưng không do lỗi của Bên B gây ra;

+ Do các trường hợp bất khả kháng quy định tại hợp đồng;

- Việc điều chỉnh giá hợp đồng được thống nhất theo nguyên tắc như sau:

+ Đối với khối lượng công việc đã có đơn giá trong hợp đồng thì lấy đơn giá trong hợp đồng làm đơn giá thanh toán.

+ Đối với khối lượng công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng thì các bên tham gia hợp đồng thống nhất:

(+) Khi thực hiện điều chỉnh đơn giá phải tính đến các yếu tố tỷ lệ trúng thầu của gói thầu, tỷ lệ trúng thầu hạng mục theo hướng dẫn của cấp thẩm quyền. Trong mọi trường hợp phải đảm bảo đơn giá điều chỉnh = (tỷ lệ thấp nhất giữa tỷ lệ trúng thầu của từng hạng mục và tỷ lệ giảm giá khi ký hợp đồng của cả gói thầu) x (đơn giá có trong hợp đồng sau khi thực hiện điều chỉnh chênh lệch về nhân công, máy thi công, vật liệu).

Cách xác định Tỷ lệ giảm giá khi ký hợp đồng của cả gói thầu và Tỷ lệ trúng thầu của từng hạng mục công việc như sau:

- Tỷ lệ giảm giá khi ký hợp đồng của cả gói thầu = (Giá hợp đồng ký kết)/(Giá gói thầu đã được phê duyệt).
- Tỷ lệ trúng thầu của từng hạng mục công việc = (Đơn giá của từng hạng mục công việc theo hợp đồng ký kết)/(Đơn giá của từng hạng mục công việc đã được phê duyệt trong dự toán gói thầu)

Trường hợp tỷ lệ trúng thầu của gói thầu > 95% (***tỷ lệ trúng thầu là giá ký hợp đồng của gói thầu/trên giá gói thầu được duyệt***) thì đơn giá của các công việc phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng là đơn giá theo quy định tại thời điểm thực hiện trừ đi tỷ lệ giảm giá tối thiểu là 5%.

+ Trước khi thực hiện công việc thuộc khối lượng phát sinh, 2 bên phải lập biên bản thống nhất về khối lượng phát sinh, nguyên tắc tính đơn giá đối với khối lượng phát sinh làm cơ sở lập dự toán điều chỉnh và ký kết Phụ lục hợp đồng.

- Trường hợp thỏa thuận không được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới, việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu này theo quy định hiện hành.

Điều 6. Tạm ứng, thanh toán và quyết toán hợp đồng

6.1. Tạm ứng:

Việc tạm ứng hợp đồng thực hiện theo từng năm trên cơ sở giá trị hợp đồng sẽ thực hiện trong năm.

Sau khi hợp đồng có hiệu lực và nhận được bảo lãnh tạm ứng của Bên B, căn cứ vào dự toán kinh phí được giao hàng năm Bên A sẽ lập thủ tục gửi cơ quan cấp phát vốn tạm ứng 10% giá hợp đồng phần thực hiện của từng năm cho Bên B.

- Trước khi Bên A thực hiện việc tạm ứng hợp đồng cho Bên B thì Bên B phải nộp cho Bên A bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị tương đương khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng có thể bằng tiền mặt hoặc tín thư của ngân hàng.

- Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi Bên A đã thu hồi hết số tiền tạm ứng. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị tiền tạm ứng đã thu hồi qua mỗi lần thanh toán.

- Thu hồi tạm ứng: Bên A sẽ thu hồi tạm ứng qua các lần thanh toán theo tỷ lệ thanh toán tương ứng và thu hồi hết giá trị tạm ứng sau khi giá trị thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng. Mức thu hồi tạm ứng tối thiểu được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá trị thu hồi tạm ứng đợt} = \text{Giá trị hoàn thành thanh toán đợt} \times \text{tỷ lệ tạm ứng} / 80\%$$

6.2. Thanh toán hợp đồng:

* Hình thức thanh toán:

Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản.

* Giá trị thanh toán:

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B sau khi nhận được hồ sơ thanh toán đầy đủ, hợp lệ. Việc thanh toán được thực hiện như sau:

- Hàng tháng, chậm nhất đến ngày 15 của tháng liền kề, Bên B phải lập hồ sơ thanh toán khối lượng thực hiện của tháng trước đó gửi cho Bên A, Bên A sẽ kiểm tra và gửi hồ sơ đề nghị Kho bạc thanh toán 100% giá trị khối lượng thực hiện được nghiệm thu sau khi đã trừ số tiền cắt trừ do nghiệm thu không đạt hoặc tiền xử phạt theo hợp đồng, đồng thời thu hồi tạm ứng theo tỷ lệ quy định tại khoản 6.1 điều này. Mọi sự chậm trễ do chủ quan của Bên B dẫn đến việc thanh toán chậm hoặc không được quyết toán, Bên B phải hoàn toàn tự chịu trách nhiệm đồng thời sẽ bị phạt theo quy định tại điều 15 của hợp đồng.

- Riêng tháng cuối cùng của năm, Bên B phải nộp tất cả hồ sơ thanh toán trước ngày 10 tháng 01 của năm tiếp theo; nếu quá thời hạn nêu trên mà Bên B chưa nộp thì sẽ bị phạt theo quy định tại điều 15 của hợp đồng.

- Sau khi kết thúc niên độ ngân sách hoặc kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng thì Bên B phải nộp số tiền là 01% giá trị thực hiện hợp đồng của năm đó vào tài khoản tạm giữ, số tài khoản 3741.0.1128805.94283 của Bên A mở tại Kho bạc Nhà nước Khu vực II để bảo đảm chờ quyết toán và làm cơ sở Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị khối lượng thực hiện. Bên A sẽ hoàn trả số tiền bảo đảm chờ quyết toán còn lại sau khi đã trừ phần giá trị thanh toán vượt giá trị quyết toán (nếu có).

- Giá trị chính thức của hợp đồng là giá trị quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp giá trị quyết toán thấp hơn giá trị Bên A đã thanh toán cho Bên B thì Bên B phải hoàn trả phần chênh lệch đó vào ngân sách thành phố trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Bên A về kết quả phê duyệt quyết toán.

* Hồ sơ thanh toán: 06 bộ, bao gồm:

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (theo mẫu quy định hiện hành);
- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng (nếu có);
- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành;
- Hồ sơ hoàn công;
- Các tài liệu khác theo quy định của Kho bạc.

6.3. Quyết toán hợp đồng:

Việc quyết toán giá trị thực hiện hợp đồng theo từng năm. Trước ngày 20/01 của năm kế tiếp, Bên B hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với số liệu và tính pháp lý đối với các tài liệu có liên quan cung cấp cho Bên A.

- Trường hợp có dự toán điều chỉnh, bổ sung, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày dự toán điều chỉnh, bổ sung được duyệt, Bên B phải gửi hồ sơ quyết toán cho Bên A. Nếu sau thời gian trên mà Bên B chưa gửi hồ sơ quyết toán chính thức cho Bên A thì Bên B sẽ bị xử phạt theo quy định của hợp đồng, đồng thời Bên A sẽ không thanh toán cho các đợt kế tiếp cho đến khi nhận được hồ sơ quyết toán.

- Trường hợp Bên B không nộp hồ sơ quyết toán, Bên A có quyền căn cứ giá trị đã thanh toán cho Bên B để làm giá trị đề nghị quyết toán; đồng thời thu hồi bảo đảm thực hiện hợp đồng, ngoài ra Bên B còn phải chịu phạt theo quy định tại điều 15 của hợp đồng.

- Bên B phải cùng phối hợp với Bên A xử lý các vấn đề còn tồn đọng theo hợp đồng đã ký và hoàn trả đầy đủ, kịp thời giá trị mà Bên A đã chi cho Bên B vượt hơn giá trị đã quyết toán (nếu có) trong quyết định phê duyệt quyết toán và kết luận thanh tra trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo của Bên A.

* Hồ sơ quyết toán: 06 bộ bao gồm:

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (theo mẫu quy định hiện hành);
- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng (nếu có);
- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành;
- Hồ sơ hoàn công.

Điều 7. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Bên B phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương 02% giá trị hợp đồng cho Bên A trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 3 Điều 68 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 để đảm bảo trách nhiệm thực hiện hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực đến khi Bên B đã thực hiện gói thầu tương ứng với hợp đồng đã ký kết được Bên A nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

Bên B không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên B không thực hiện kịp thời, đầy đủ khối lượng, đảm bảo chất lượng theo quy định đã thỏa thuận trong hợp đồng này Bên A có quyền tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng sau 05 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo của Bên A và Bên B không được khiếu kiện.

Điều 8. Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm

8.1. Bên A chỉ nghiệm thu các sản phẩm của hợp đồng khi sản phẩm của các công việc này đảm bảo chất lượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 và đủ hồ sơ theo quy định.

8.2. Công tác kiểm tra, nghiệm thu công trình được thực hiện theo các quy định cụ thể tại Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hướng dẫn số 16692/HD-SXD-HTKT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Sở Xây dựng, các quy định có liên quan khác và Biên bản thỏa thuận khác giữa hai bên (nếu có).

Điều 9. Bảo hành

9.1. Bên B có trách nhiệm thực hiện bảo hành các hạng mục công trình cải tạo, sửa chữa, thay thế các hạ tầng, tiện ích trong công viên, mảng xanh, cây xanh sau khi bàn giao cho Bên A. Nội dung bảo hành bao gồm khắc phục, sửa chữa các hạng mục khối lượng công việc hư hỏng, khiếm khuyết do lỗi của Bên B gây ra.

9.2. Trong thời hạn bảo hành, nếu có hư hỏng do lỗi của Bên B gây ra thì Bên B phải chịu trách nhiệm thực hiện lại hạng mục công việc cụ thể theo biên bản kiểm tra hiện trường. Bên B phải triển khai ngay công tác khắc phục sửa chữa và không được Bên A thanh toán thêm bất cứ một chi phí nào. Nếu Bên B chậm hoặc không kịp thời khắc phục sửa chữa để xảy ra sự cố, Bên B phải chịu mọi tổn thất thiệt hại xảy ra và còn bị phạt theo quy định tại Điều 15 của hợp đồng mà không được khiếu kiện.

9.3. Thời hạn bảo hành:

a. Hạng mục xây dựng cơ bản: Thời gian bảo hành là 12 tháng kể từ thời điểm nghiệm thu và đưa vào sử dụng;

b. Hạng mục thay thế thiết bị hệ thống tưới, dụng cụ thể dục, trò chơi thiếu nhi: Thời gian bảo hành tối thiểu là 12 tháng kể từ thời điểm nghiệm thu và đưa vào sử dụng, nhưng không thấp hơn thời gian bảo hành của nhà sản xuất.

9.4. Tiền bảo hành:

Mức tiền bảo hành được tính là: 05% giá trị thực hiện hợp đồng của phần khối lượng thuộc trách nhiệm bảo hành được nêu tại khoản 9.3 điều này. Khi công trình hoàn thành nghiệm thu đợt cuối, Bên B nộp vào tài khoản tại ngân hàng của Bên A 05% giá trị thực hiện hợp đồng của phần khối lượng thuộc trách nhiệm bảo hành hoặc chứng thư bảo lãnh của ngân hàng với giá trị tương đương để làm bảo lãnh bảo hành.

Sau khi kết thúc thời hạn bảo hành mà không xảy ra hư hỏng do lỗi của Bên B hoặc có khiếm khuyết, hư hỏng nhưng đã được Bên B khắc phục, sửa chữa kịp thời và khi có biên bản kiểm tra kết thúc thời gian bảo hành, Bên A xác nhận hết thời gian bảo hành công trình và hoàn trả tiền bảo hành cho Bên B (nếu bên B nộp bảo hành bằng tiền).

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ chung của Bên B

10.1. Nhân lực chính của Bên B:

- Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A về thành phần, nhân lực chính để triển khai thực hiện ngay khi Hợp đồng có hiệu lực gồm:

+ Nhân lực chính của Bên B tại công trường và văn phòng.

+ Báo cáo về nhân lực, phương tiện, thiết bị.

- Trường hợp Bên B có sự thay đổi về nhân sự chủ chốt phải có văn bản trình Bên A xem xét, chấp thuận trước khi thay đổi.

- Toàn bộ thời gian chỉ huy trưởng công trình (quản lý chung) Bên B phân công thực hiện gói thầu phải được dành cho việc chỉ đạo thực hiện hợp đồng. Nếu chỉ huy trưởng công trường buộc phải tạm thời vắng mặt tại công trường trong thời gian bảo dưỡng, Bên B phải cử người thay thế phù hợp và phải được sự chấp thuận của Bên A.

10.2. Quyền và nghĩa vụ chung của Bên B:

Ngoài việc thực hiện trách nhiệm theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hướng dẫn số 16692/HD-SXD-HTKT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Sở Xây dựng và các quy định có liên quan khác, Bên B còn phải thực hiện các trách nhiệm sau:

- Sau khi hợp đồng được ký kết, Bên B phải triển khai thực hiện ngay theo kế hoạch của Bên A; Trường hợp có thay đổi khối lượng so với hồ sơ mời thầu, Bên B có trách nhiệm báo trước cho Bên A cùng lập biên bản xác nhận có giải trình cụ thể và phối hợp lập kinh phí bổ sung trình cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Bố trí đầy đủ phương tiện, thiết bị chuyên ngành, để có đảm bảo hoàn thành công việc đúng tiến độ;

- Thi công đảm bảo chất lượng, kịp thời xử lý các sự cố, thường xuyên tiến hành kiểm tra chất lượng công việc thực hiện, chấp hành đúng yêu cầu của các hạng mục theo qui trình kỹ thuật và quy định về chất lượng;

- Bên B phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn trong quá trình thi công, đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong phạm vi công việc được giao theo đúng quy định hiện hành của nhà nước. Nếu có sự cố hoặc tai nạn xảy ra thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm giải quyết và bồi thường;

- Bên B chịu trách nhiệm mua bảo hiểm cho máy móc, thiết bị, bảo hiểm tai nạn đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ 3. Trường hợp Bên B không mua bảo hiểm đúng trách nhiệm đã quy định, mọi thiệt hại tổn thất xảy ra (nếu có), Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm;

- Phát hành sổ nhật ký công trình, không để tồn đọng trên công trường, đảm bảo vệ sinh môi trường. Trong quá trình thi công không làm hư hỏng các công trình xung quanh như: điện,

nước, điện thoại... nếu gây thiệt hại phải chịu bồi thường cho các chủ thể đó và chủ động giải quyết các vướng mắc với các chủ thể đó;

- Bố trí đầy đủ cán bộ có trách nhiệm để phối hợp với giám sát Bên A trong công tác kiểm tra giám sát cũng như xử lý các phát sinh đột xuất;

- Phối hợp với Bên A trong việc sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và đề xuất những điều chỉnh, bổ sung (nếu có);

- Bên B phải triển khai thực hiện ngay các khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng khi có yêu cầu bằng văn bản của Bên A;

- Hàng tháng đề xuất khối lượng thực hiện của tháng tiếp theo theo mẫu và nộp cho Bên A trước ngày 20 để thông qua;

- Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh, cây xanh do Bên B thực hiện;

- Bên B phải bố trí đầy đủ phương tiện, thiết bị chuyên ngành thường xuyên để phục vụ cho công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên cây xanh, công tác tuần tra phát hiện và bảo vệ cây xanh;

- Đảm bảo và chịu trách nhiệm về an toàn giao thông, an toàn lao động và vệ sinh môi trường và công tác phòng cháy chữa cháy trong phạm vi khối lượng công việc được giao theo đúng quy định;

- Trong quá trình thi công nếu làm hư hỏng các công trình xung quanh (điện, nước, điện thoại, chiếu sáng, hệ thống thoát nước, đường giao thông, nhà dân...), Bên B phải chịu trách nhiệm giải quyết và bồi thường;

- Bên B phải có vật tư, thiết bị dự phòng để có thể thực hiện ngay công tác thay thế, khắc phục sửa chữa các hư hỏng, các sự cố có thể xảy ra;

- Chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành đối với các trường hợp do lỗi của Bên B gây ra. Trường hợp xác định được nguyên nhân gây ra sự cố là bất khả kháng hoặc do các yếu tố thời tiết: giông lốc, mưa lớn thì Bên B có trách nhiệm hỗ trợ thiệt hại khi có sự cố xảy ra;

- Để phục vụ công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh, Bên B bố trí địa điểm lưu giữ vật tư vật tư thu hồi, vật tư hư hỏng và vật tư còn khả năng tái sử dụng phù hợp với quy mô thực hiện hợp đồng; đồng thời có trách nhiệm quản lý, bảo quản các vật tư này bảo đảm an toàn, tránh thất thoát, hư hỏng. Trường hợp Bên A có yêu cầu, Bên B thực hiện vận chuyển vật tư thu hồi về địa điểm lưu giữ theo chỉ định của Bên A và thực hiện thủ tục giao nhận, xác nhận theo quy định;

- Bên B phải lập hồ sơ nghiệm thu theo quy định và tuân thủ về thời gian theo yêu cầu của Bên A trước khi tổ chức nghiệm thu;

- Ghi chép sổ nhật ký công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên hàng ngày theo mẫu mà Bên A yêu cầu và gửi nhật ký kèm hồ sơ nghiệm thu cho Bên A ngay khi kết thúc công việc của tháng;

- Tổng hợp số liệu thực hiện trong tháng theo yêu cầu và biểu mẫu của Bên A. Đồng thời, cập nhật số liệu quản lý công viên cây xanh thường xuyên trên máy tính;

- Thực hiện số hóa dữ liệu hạ tầng và cập nhật đầy đủ số liệu về công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên vào phần mềm quản lý chuyên ngành và gửi Bên A 1 đĩa CD file chứa dữ liệu cập nhật (Công tác này thực hiện khi có hướng dẫn của Bên A);

- Tiếp nhận, trực tiếp quản lý các đồng hồ điện nước và thay mặt Bên A nhận thông báo chỉ số điện, nước;

- Chi phí dịch vụ điện, nước và đường truyền internet phục vụ công tác quản lý, chăm

sóc, bảo dưỡng của gói thầu sẽ do bên B thay mặt bên A thanh toán cho nhà cung cấp dịch vụ hàng tháng (hoặc hàng quý). Trong đó, giá thanh toán là giá được ban hành tại từng thời điểm (theo hóa đơn của nhà cung cấp dịch vụ) và khối lượng thanh toán là khối lượng thực hiện thực tế nhưng không vượt định mức tính toán sử dụng.

- Đối với công tác tưới bằng xe bồn, bên B phải cung cấp thông tin về các xe tưới, trang bị các thiết bị cần thiết để thực hiện việc theo dõi lý trình và cung cấp dữ liệu qua phần mềm GIS để Trung tâm làm cơ sở nghiệm thu khối lượng thực hiện;

- Thực hiện đúng theo nội dung tại Điều 6 của hợp đồng đối với việc lập hồ sơ thanh toán, quyết toán cho Bên A;

- Bên B phải cung cấp cho Bên A hóa đơn theo đúng quy định của nhà nước đối với giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu. Nếu Bên B không thực hiện đúng quy định (không xuất hóa đơn hoặc xuất mà không cung cấp cho Bên A), Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật;

- Trường hợp Bên B không kiểm tra số tài khoản thanh toán của hợp đồng dẫn đến cơ quan cấp phát vốn không thể chuyển khoản thanh toán hợp đồng, khi đó Bên B phải bồi hoàn toàn bộ chi phí cho Bên A để nộp phạt cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

- Tạm dừng hoặc chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 13 của hợp đồng này.

- Chủ động phối hợp, lập quy chế, kế hoạch phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác bảo vệ để đảm bảo an ninh trật tự trên mặt bằng công viên, mảng xanh.

- Phối hợp bên A xây dựng hoàn thành kế hoạch duy tu bảo trì sửa chữa công viên, vườn hoa, mảng xanh cho năm liền kề theo thời gian yêu cầu của bên A.

- Các nội dung khác đối với cây xanh:

- + Trên các tuyến đường, khu vực công viên, mảng xanh định kỳ 03 tháng một lần Bên B có trách nhiệm rà soát, đề nghị chỉnh sửa: nâng loại cây xanh, bổ sung khối lượng cây xanh chưa được giao chăm sóc theo nội dung công việc đã nêu tại Điều 1 của hợp đồng. Trong trường hợp Bên B không thực hiện nghĩa vụ này mà có sự cố đối với cây xanh chưa có trong danh sách Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh trên cùng tuyến đường, khu vực công viên mảng xanh mà Bên B đang được giao thì Bên B cũng phải chịu trách nhiệm giải quyết và hỗ trợ thiệt hại;

- + Bên B thường xuyên đề xuất các biện pháp, giải pháp xử lý hệ thống cây xanh hiện hữu nhằm đảm bảo an toàn, duy trì cảnh quan và chịu trách nhiệm về các đề xuất này;

- + Đối với gỗ thu hồi từ công tác đốn hạ, giải tỏa cây xanh, bên B có trách nhiệm vận chuyển và bảo quản tại bãi lưu giữ, đồng thời có trách nhiệm bảo toàn về số lượng, khối lượng. Việc lưu giữ và quản lý gỗ thu hồi, Bên B phải tuân thủ theo đúng qui định (đảm bảo an toàn kho bãi, giữ gìn vệ sinh môi trường và tuân thủ đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy) và chịu trách nhiệm bồi hoàn theo qui định nếu làm mất mát, thất thoát, xảy ra cháy nổ trong suốt quá trình đốn hạ, giải tỏa cây xanh, vận chuyển và lưu giữ, quản lý tại kho bãi.

- Các nội dung khác đối với công viên, mảng xanh:

- + Khi sử dụng thuốc trừ sâu, phân vô cơ, phân vi sinh phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Riêng phân hữu cơ được sử dụng tùy theo mục đích và loại cây trồng nhưng phải đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường và sinh trưởng của cây;

- + Thường xuyên kiểm tra hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong công viên, mảng xanh (đường, vỉa hè, sân bãi, các hệ thống, thiết bị sử dụng điện, cống rãnh, hố ga, hệ thống chiếu sáng, ghế ngồi, thiết bị trò chơi, dụng cụ tập thể dục, thùng rác...), kịp thời phát hiện các hư hỏng, dấu hiệu mất an toàn, lấn chiếm, xâm hại, sử dụng trái phép và báo cho bên A được biết. Khi phát hiện dấu hiệu mất an toàn phải cô lập, thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn, báo ngay và đề xuất hướng xử lý cho Bên A.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ chung của Bên A**11.1. Trách nhiệm thu xếp tài chính của Bên A:**

- Thực hiện các thủ tục gửi cơ quan cấp phát vốn thanh toán cho Bên B theo Điều 6 của hợp đồng này;

- Làm thủ tục thanh quyết toán theo quy định sau khi Bên B nộp hồ sơ thanh quyết toán đầy đủ.

11.2. Quyền hạn và nghĩa vụ chung của Bên A:

Ngoài việc thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hướng dẫn số 16692/HD-SXD-HTKT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Sở Xây dựng, Bên A còn phải thực hiện các trách nhiệm sau:

- Cử cán bộ giám sát kỹ thuật để tổ chức giám sát khối lượng, chất lượng và tiến độ thực hiện, nếu thấy phần nào chưa đảm bảo thì yêu cầu Bên B làm lại;

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc thực hiện hợp đồng của Bên B;

- Đình chỉ việc thực hiện các công việc nếu chất lượng thi công không đúng tiêu chuẩn theo quy trình, quy phạm kỹ thuật trong xây dựng và an toàn trong thi công;

- Không xác nhận khối lượng công việc hoàn thành nếu xét thấy không đạt yêu cầu theo quy định hiện hành;

- Chủ trì phối hợp với Bên B giải quyết những khó khăn vướng mắc kịp thời (nếu có) trong quá trình thi công;

- Khi Bên B có báo cáo hoàn công đầy đủ, hợp lệ, Bên A có trách nhiệm xem xét thống nhất với Bên B và chủ trì tổ chức nghiệm thu theo quy định;

- Hoàn tất thủ tục pháp lý cho các khối lượng phát sinh cho Bên B và có trách nhiệm nghiệm thu thanh toán những khối lượng phát sinh này.

- Tạm dừng hoặc chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 13 của hợp đồng.

Điều 12. Nhà thầu phụ**12.1. Nhà thầu phụ được đề xuất trong E - Hồ sơ dự thầu của Bên B: có (hoặc không có)****12.2. Bảng kê khai phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ trong E - Hồ sơ dự thầu của Bên B: có (hoặc không có)**

12.3. Trong quá trình thực hiện nếu cần thiết phải sử dụng nhà thầu phụ theo phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ đã kê khai trong E - Hồ sơ dự thầu thì Bên B phải gửi văn bản đề xuất nhà thầu phụ (kèm theo hồ sơ năng lực) để Bên A xem xét. Khi có ý kiến chấp thuận của Bên A thì Bên B mới được giao công việc cho nhà thầu phụ thực hiện.

12.4. Nhà thầu phụ do Bên A chỉ định (nếu có)

Nhà thầu phụ do Bên A chỉ định là một nhà thầu được Bên A chỉ định cho Bên B thuê làm Nhà thầu phụ để thực hiện một số phần việc chuyên ngành có yêu cầu kỹ thuật cao hoặc khi Bên B không đáp ứng được tiến độ thực hiện hợp đồng sau khi Bên A đã yêu cầu.

12.5. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Bên B. Bên B phải chịu trách nhiệm trước Bên A về khối lượng, chất lượng, tiến độ, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, sai sót của mình và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện.

12.5. Bên B chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng tiến độ cho Nhà thầu phụ theo quy định và thỏa thuận giữa Bên B với Nhà thầu phụ.

Điều 13. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng

13.1. Tạm dừng hợp đồng:

Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra;
- Do có yêu cầu hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền;
- Do một bên đề xuất nhưng phải được bên kia đồng ý;
- Các trường hợp bất khả kháng.

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng xây dựng đã ký kết; trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận để khắc phục.

13.2. Chấm dứt hợp đồng:

- Trường hợp Bên B bị phá sản hoặc giải thể; chuyển nhượng hợp đồng cho cá nhân hoặc tổ chức khác mà không có sự chấp thuận của Bên A thì Bên A có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức. Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Bên B chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này.

- Trường hợp Bên B vi phạm việc thực hiện theo Điều 2 của hợp đồng này, tùy theo mức độ vi phạm, Bên A có quyền xem xét ngưng thực hiện và chấm dứt hợp đồng. Đồng thời Bên B bị phạt, bồi thường thiệt hại theo Điều 15 của hợp đồng;

- Ngoài ra Bên A có quyền xem xét chấm dứt hợp đồng nếu Bên B vi phạm một trong các trường hợp sau:

+ Thực hiện công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh để xảy ra sự cố nghiêm trọng, ảnh hưởng đến khả năng khai thác bình thường của công trình.

+ Thực hiện công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh xảy ra sai sót, Bên A đã có ý kiến bằng văn bản 05 lần mà nhà thầu không khắc phục;

+ Khi tổng giá trị bị cắt trừ chiếm từ 12% giá trị hợp đồng trở lên.

- Bên B bị chấm dứt hợp đồng sẽ bị cấm tham gia đấu thầu (trong thời gian tối thiểu 12 tháng kể từ ngày bị chấm dứt hợp đồng) cung ứng sản phẩm, dịch vụ công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình được giao cho Bên A quản lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngoài các hình thức xử lý nêu trên, Bên B vi phạm sẽ bị công bố tên và hành vi vi phạm trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh.

- Một bên có quyền chấm dứt hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện hủy bỏ mà hai bên đã thoả thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

- Trường hợp một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải do lỗi của bên kia gây ra, thì bên chấm dứt hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

- Trước khi chấm dứt hợp đồng, các bên phải thông báo ngay cho bên kia về việc chấm dứt hợp đồng, nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên chấm dứt hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

- Khi hợp đồng bị chấm dứt, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị chấm dứt và

các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền có liên quan.

Điều 14. Bất khả kháng

14.1. Khái niệm: Là những tình huống thực tiễn xảy ra nằm ngoài tầm kiểm soát và ngoài khả năng lường trước của Bên A, Bên B; không liên quan đến sai phạm hoặc sơ suất của Bên A, Bên B như: Chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch, cấm vận.

14.2. Không vi phạm hợp đồng:

Không bị cho là vi phạm hợp đồng khi một bên không có khả năng thực hiện hợp đồng được xác định nguyên nhân là do hậu quả của sự kiện bất khả kháng.

14.3. Biện pháp thực hiện:

14.3.1. Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ phải thực hiện tất cả những biện pháp thích hợp để hạn chế tối đa hậu quả của sự kiện bất khả kháng nhằm thực hiện nhiệm vụ với thời gian nhanh nhất.

14.3.2. Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ ngay lập tức thông báo cho bên kia biết. Chậm nhất 07 ngày sau khi sự việc xảy ra, phải cung cấp cho bên kia bản chất, nguyên nhân sự việc cũng như thông báo về biện pháp khôi phục trở lại các điều kiện bình thường.

Điều 15. Vi phạm hợp đồng

Việc kiểm tra, giám sát và xử phạt công tác quản lý bảo dưỡng (bảo trì) thường xuyên gói thầu được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hướng dẫn số 16692/HD-SXD-HTKT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Sở Xây dựng và **Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025**. Ngoài ra Bên B còn bị xử phạt đối với các trường hợp sau:

15.1. Phạt khi vi phạm về tiến độ và chất lượng:

Trường hợp Bên B thực hiện không bảo đảm chất lượng, không kịp thời triển khai thi công để xảy ra sự cố hoặc tai nạn, ngoài phần phải chịu bồi đắp mọi tổn thất (bồi thường thiệt hại) cho việc sửa chữa lại, Bên B còn phải chịu phạt 12% phần khối lượng bị vi phạm và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.

- Nếu có hạng mục nào nghiệm thu không đạt thì Bên B phải làm lại hạng mục đó trong vòng 48 giờ và không được tính chi phí triển khai khắc phục.

- Trường hợp phát hiện Bên B thi công không đạt chất lượng theo quy định để xảy ra sự cố nghiêm trọng có thể gây ảnh hưởng đến khả năng khai thác bình thường của công trình hoặc tai nạn chết người, Bên B phải thi công lại, chịu mọi chi phí bồi thường liên quan.

Ngoài ra, Bên A căn cứ theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hướng dẫn số 16692/HD-SXD-HTKT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Sở Xây dựng và **Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025**; Tiêu chuẩn kỹ thuật (nếu có) để xử lý chi tiết các tình huống cụ thể.

Theo kết quả thí nghiệm, nếu chỉ tiêu về vật liệu không đạt so với quy định thì Bên B phải thực hiện lại hạng mục đó, đồng thời bị phạt 10% giá trị khối lượng bị vi phạm.

15.2. Phạt vi phạm về khối lượng thực hiện:

Trường hợp Bên B không thực hiện hết khối lượng được thông qua do nguyên nhân chủ quan và không được Bên A chấp thuận bằng văn bản (biên bản xử lý) thì Bên B sẽ bị phạt 12% giá trị khối lượng phần không thực hiện.

Bên B không thực hiện hoặc thực hiện chậm so kế hoạch hoặc trong quá trình thực hiện không thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông thì quy định thì:

- Có văn bản nhắc nhở của Sở Giao thông vận tải hoặc đơn vị quản lý: phạt 0,25% giá trị thực hiện hợp đồng trong 01 năm cho một nội dung (tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, an toàn giao thông ...) bị nhắc nhở.

- Trường hợp Bên B bị nhắc nhở bằng văn bản 02 lần trở lên: phạt thêm 0,5% giá trị hợp đồng trong 01 năm và thêm 0,25% giá trị hợp đồng trong 01 năm cho mỗi lần nhắc nhở tiếp theo.

- Trường hợp có sự cố hoặc tai nạn xảy ra do không thực hiện hoặc thực hiện chậm kế hoạch đề ra thì Bên B phải chịu mọi chi phí bồi thường liên quan và bị phạt 05% giá trị thực hiện hợp đồng trong 01 năm. Đồng thời bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm liên đới trước pháp luật.

15.3. Phạt vi phạm về an toàn giao thông: Trong quá trình thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng, Bên B không có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông để xảy ra sự cố về giao thông thì Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường các thiệt hại và chịu trách nhiệm trước pháp luật và phạt thêm 0,5% giá trị hợp đồng.

15.4. Phạt khi không thực hiện hợp đồng: Trong trường hợp sau 07 ngày kể từ ngày khởi công công trình, Bên B hoàn toàn không thực hiện hợp đồng đã ký do lỗi chủ quan của Bên B thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, thu hồi kinh phí đã tạm ứng (nếu có), đồng thời Bên B bị phạt đến 12% giá trị hợp đồng.

15.5. Trường hợp Bên B vi phạm thời gian nộp hồ sơ thanh toán và quyết toán do lỗi chủ quan, Bên B sẽ bị phạt 5% giá trị của tháng vi phạm hoặc quý vi phạm cho 05 ngày đầu tiên, phạt thêm 01% cho mỗi ngày tiếp theo cho đến mức tổng số các lần phạt tối đa bằng 12% giá trị của quý vi phạm, cho đến khi Bên B nộp hồ sơ thanh toán và quyết toán đầy đủ và hợp lệ.

15.6. Trường hợp Bên A chậm giao dự toán cho Bên B, chậm trễ trong việc nghiệm thu, thanh toán (trừ trường hợp khách quan), Bên A sẽ bị phạt theo quy định hiện hành.

Tổng các mức phạt do vi phạm hợp đồng không vượt quá 12% giá trị hợp đồng. Khi mức phạt bằng 12% giá trị hợp đồng hoặc bị nhắc nhở bằng văn bản 05 lần trong 01 năm, Bên A có quyền xem xét chấm dứt hợp đồng.

Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B để xảy ra các sai phạm nghiêm trọng về chất lượng, khối lượng hoặc về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ hoặc công tác bảo vệ môi trường hoặc các hoạt động vi phạm liên quan đến Pháp luật được xác định do lỗi, trách nhiệm của Bên B thì tùy thuộc vào mức độ sai phạm và công tác khắc phục của Bên B, ngoài mức phạt hợp đồng được quy định tại khoản 15.1, 15.2, 15.3 của điều này, Bên A còn có quyền chấm dứt hợp đồng đã ký và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, đánh giá uy tín, xử lý cấm Bên B tham dự các gói thầu có liên quan lên hệ thống đấu thầu quốc gia.

15.7. Phạt do không trang bị máy móc công nghệ mới, công tác số hóa: Trong vòng thời gian 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực mà bên B không trang bị máy móc công nghệ mới, công tác số hóa đầy đủ theo khoản 10.2 Điều 10 và Điều 16 của hợp đồng này thì bị bên A phạt 1,0% giá trị hợp đồng.

15.8. Bên B phải có trách nhiệm triển khai ngay công tác khắc phục sự cố, phòng, chống bão, lũ; đảm bảo an ninh trật tự khi có yêu cầu của đơn vị quản lý. Trong trường hợp Bên B không thực hiện theo đúng

Tổng các mức giảm trừ do vi phạm hợp đồng không vượt quá 12% giá trị hợp đồng. Khi mức giảm trừ bằng 12% giá trị hợp đồng, Bên A có quyền xem xét chấm dứt hợp đồng.

ĐIỀU 16. Đầu tư công nghệ mới:

Bên B có trách nhiệm phối hợp nghiên cứu đầu tư hoặc thuê các trang thiết bị, công nghệ mới phục vụ cho công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công viên, cây xanh, mảng xanh có trong phạm vi gói thầu, cụ thể như:

+ Trang bị hoặc thuê dịch vụ phần mềm, thiết bị giám sát hành trình, camera và các thiết

bị cảm biến khác (nếu có) để quản lý, giám sát công tác tuần tra: Camera giám sát hành trình, với số lượng tối thiểu là 03 bộ.

+ Trang bị hoặc thuê hệ thống thông tin địa lý (GIS), các phần mềm, các thiết bị hiện đại để theo dõi, cập nhật dữ liệu bảo trì công trình: Thiết bị định vị vệ tinh, với số lượng tối thiểu là 03 bộ.

+ Có giải pháp ứng dụng công nghệ để phối hợp triển khai việc tích hợp mã QR Code lên cây xanh, công viên, mảng xanh với phần mềm duy tu; tích hợp phần mềm số hóa hồ sơ hoàn công vào phần mềm duy tu của Sở Xây dựng hoặc của Chủ đầu tư.

+ Sử dụng phần mềm tuần tra.

+ Phối hợp với bên A tổ chức hội thảo về công nghệ mới, công tác duy tu quản lý, bảo dưỡng khi có yêu cầu.

+ Phần mềm để lập, cập nhật và lưu trữ thông tin quản lý thuộc gói thầu: Nhà thầu phải sử dụng tối thiểu một phần mềm để lập, cập nhật và lưu trữ thông tin quản lý thuộc gói thầu trong vòng 06 tháng kể từ ngày thực hiện hợp đồng và phải đảm bảo sao cho Chủ đầu tư có quyền truy cập, quản lý và theo dõi; Phần mềm phải tích hợp nhập được dữ liệu và có khả năng tích hợp hình ảnh trong quá trình duy tu/bảo dưỡng/sửa chữa. Chủ đầu tư sẽ xem xét các điều khoản với Nhà thầu trong các năm thực hiện hợp đồng tiếp theo nếu nhà thầu không thực hiện đúng theo cam kết.

+ Thiết bị công nghệ phục vụ công tác duy tu bảo dưỡng cây xanh: Nhà thầu phải sử dụng các thiết bị công nghệ phục vụ công tác duy tu bảo dưỡng trong vòng 06 tháng kể từ ngày thực hiện hợp đồng, bao gồm tối thiểu các thiết bị sau:

Điều 17. Giải quyết tranh chấp hợp đồng

Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng, các bên có trách nhiệm thương lượng giải quyết. Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp được thực hiện thông qua hòa giải, hoặc kiện vụ việc ra tòa án kinh tế có thẩm quyền giải quyết.

Điều 18. Thanh lý hợp đồng

- Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:

+ Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký;

+ Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của Khoản 2 Điều 13 của hợp đồng [Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng].

- Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của Khoản 2 Điều 13 của hợp đồng [Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng].

Điều 19. Hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sau khi Bên B nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Điều 7 Hợp đồng đến khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng.

Điều 20. Điều khoản chung

20.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các nội dung của hợp đồng này.

20.2. Các điều khoản và điều kiện khác không ghi trong hợp đồng này, hai bên thực hiện theo những quy định hiện hành.

20.3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có những chủ trương mới, hai bên sẽ ký kết phụ lục hợp đồng để sửa đổi cho phù hợp.

20.4. Hợp đồng này được lập thành 12 bản có giá trị ngang nhau, Bên A giữ 06 bản, Bên B giữ 06 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B**ĐẠI DIỆN BÊN A**

Các điều khoản nêu trên chỉ mang tính chất tham khảo, điều khoản chính thức sẽ được chi tiết trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng nêu tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.